TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 6/6/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂK SONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hứa Thị Nhị
2. Bà Cấn Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Luân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 374/2018/TLST- DS ngày 27 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Y Thanh L, là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 14/11/2018.

2. Bị đơn: Anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn anh Ngô Minh C: Là chị Đỗ Thị D là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2019.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/12/2018 và trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Y Thanh L trình bày: Căn cứ giấy vay tiền ngày 12/6/2017 (âm lịch), nhằm ngày 05/7/2017 dương lịch anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D vay của Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H số tiền gốc là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*), trong giấy không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 2000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. Nguồn gốc số tiền này là bà H đi vay dùm của người khác về cho chị D vay lại, do điều kiện khó khăn nên bà H thỏa thuận được với người cho vay lãi suất là 30.000đ/01 triệu/ 01 tháng (tức là 03%/ tháng/ số tiền gốc nên bà H chỉ yêu cầu chị D, anh

C trả lại cho bà H như vậy để bà H có điều kiện trả lại cho người khác, từ khi chị D và anh C vay đến nay chưa trả cho ông P và bà H được khoản tiền gốc và lãi nào. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ một tháng nhưng đến hạn không trả. Mặc dù, đã đòi nợ nhiều lần. Trong quá trình giải quyết vụ án chị D khai đã trả lãi 144.000.000đ/ 12 tháng cho bà H là không đúng, từ khi vay nợ đến nay không trả đồng nào, chỗ là chị em trong gia đình nên chị D khai như vậy không có căn cứ, trường hợp không viết giấy nhưng thực tế có trả thì bà H đã nhận, không lấy tiền của chị D và anh C (vì anh C là em trai của bà H, cùng mẹ khác cha). Chị D cho rằng trả thì chị D có quyền đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, trường hợp không có thì chị D phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho gia đình thì ông P và bà H khởi kiện ra Tòa án yêu cầu buộc anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D phải trả cho ông P và bà H số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Trong bản tự khai ngày 15/01/2019 và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Đỗ Thị D (cũng là người đại diện theo ủy quyền cho anh C) trình bày: Theo giấy vay tiền ngày 12/6/2017 (âm lịch), nhằm ngày 05/7/2017 dương lịch vợ chồng chị Đỗ Thị D còn nợ ông Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H số tiền gốc là 200.000.000 đồng như giấy vay đã ký nhận. Hiện nay, vợ chồng chị D chưa có điều kiện trả tiền gốc. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận lãi suất, nhưng hai bên thỏa thuận bằng miệng là 2.000đ/ 01 triệu/ 01 ngày. Tuy nhiên, tiền lãi chị D đã trả là 144.000.000 đồng (tức là 12 tháng tính từ ngày vay đến tháng 6/2018, mỗi tháng trả là 12.000.000 đồng), khi trả không có giấy tờ gì, không có chứng cứ gì và chị D cũng không yêu cầu tính lại phần lãi này, chị D đồng ý trả lãi tiếp cho bà H và ông P từ tháng 7/2018 đến nay. Ý kiến bà H không đồng ý là việc của bà H, chị D có sao khai vậy. Nay ông P và bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị D phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) thì chị D đồng ý. Tuy nhiên, gia đình khó khăn nên xin được trả mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Về lãi suất chị D đồng ý trả theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình, yêu cầu Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn, người làm chứng chưa chấp hành tốt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 143, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H.

Buộc anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D trả cho ông Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H số tiền gốc còn nợ là 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ông Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H khởi kiện anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D hiện đang cư trú tại Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ giấy vay tiền 12/6/2017 (AL), nhằm ngày 05/7/2017 dương lịch, thời hạn thỏa thuận trả nợ 01 tháng. Kể từ thời điểm anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm ông Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H khởi kiện ngày 12/11/2018 vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS; Điều 149 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Xét nội dung tranh chấp: Vào ngày 12/6/2017 (AL), nhằm ngày 05/7/2017 dương lịch ông Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H cho anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận nhưng trong giấy vay không thể hiện lãi suất. Anh C và chị D hẹn 01 tháng sẽ trả cho ông P và bà H. Khi vay hai bên có lập giấy tờ vay tiền và có chữ ký người vay anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D. Qúa trình giải quyết anh C và chị D thừa nhận có nợ số tiền gốc của ông P và bà H. Hiện nay do điều kiện gia đình khó khăn nên từ khi vay đến nay không trả được khoản nợ gốc nào. Số tiền nợ này anh C và chị D xin trả mỗi năm 20.000.000đ cho đến khi trả hết nợ. Vì vậy, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông P và bà H là có căn cứ phù hợp với các Điều 463 và Điều 466 BLDS về hợp đồng vay tài sản nên chấp nhận.

[5] Về yêu cầu lãi suất: Trong giấy vay tiền 12/6/2017 (AL) các bên đương sự không thể hiện lãi suất, nhưng các bên có thỏa thuận về việc trả lãi và yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật. Qúa trình giải quyết chị D cho rằng đã trả lãi cho bà H số tiền 144.000.000 đồng đến tháng 6/2018, chị D không yêu cầu xem xét lại khoản này nhưng chị D chỉ đồng ý trả lãi cho ông P và bà H từ tháng 7/2018 đến nay theo quy định. Tuy nhiên, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị D không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả cho bà H khoản tiền này, trong khi đó bà H và ông P không thừa nhận đã nhận số tiền lãi như chị D đã trình bày. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chị D đã trả số tiền lãi 144.000.000 đồng là phù hợp với khoản 4 Điều 91 của BLTTDS về nghĩa vụ chứng minh của đương sự.

Tại thời điểm thỏa thuận vay tài sản các bên đương sự thỏa thuận lãi suất cao là trên 3%/ tháng, đến hạn bên vay không trả đầy đủ. Tại phiên tòa các đương sự trình bày yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 468 BLDS quy định:

" Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm của khoản tiền vay, trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực".

Căn cứ khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất; trên cơ sở yêu cầu của đương sự, HĐXX xét thấy căn cứ các quy định trên tính lại phần lãi suất như sau:

- Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả (từ ngày 05/7/2017 DL đến ngày 05/8/2017) = 200.000.000 đồng x 1,66%/ 01 tháng x 01 tháng = 3.320.000 đồng.

- Do trong hạn chị D và anh C chưa trả lãi trên nợ gốc trong hạn nên còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, cụ thể:

Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả (tính từ ngày 06/8/2017 đến ngày xét xử) = 3.320.000 đồng x 0,83%/ 01 tháng x 22 tháng = 606.232 đồng.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả do thỏa thuận là 1,66%/ tháng (tính từ ngày 06/8/2017 đến ngày xét xử) = 200.000.000 đồng x 1,66% x 22 tháng = 73.040.000 đồng

Từ phân tích trên, HĐXX nhận thấy cần: Buộc anh C và chị D có trách nhiệm trả cho ông P và bà H số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi là 76.966.232 đồng (làm tròn 76.966.500 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 276.966.500 đồng.

[6] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H được chấp nhận nên anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 276.966.500 đồng x 5% = 13.848.325 đồng (làm tròn 13.848.500 đồng *(mười ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).*

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 205 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H .

Buộc anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D phải trả cho ông Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H số tiền gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 76.966.500 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 276.966.500 đồng (*hai trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2.Về án phí:Buộc anh Ngô Minh C và chị Đỗ Thị D phải chịu 13.848.500 đồng *(mười ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu P và bà Huỳnh Thị H số tiền 6.000.000 đồng *(sáu triệu đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004663 ngày 27/12/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

3.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án."

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà